



CHƯƠNG XX

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

1. Thực hiện pháp luật (THPL)

1.1 Khái niệm thực hiện pháp luật

THPL là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật.

Khoa học pháp lý đã xác định những hình thức thực hiện pháp luật sau:

- *Tuân thủ pháp luật*

Là một hình thức THPL, trong đó các chủ thể pháp luật kiểm chế không tiến hành những hoạt động mà pháp luật cấm.

Ở hình thức thực hiện này đòi hỏi chủ thể thực hiện nghĩa vụ *một cách thụ động*, thực hiện các QPPL dưới dạng không hành động, ví dụ như không tiến hành những hành vi trộm cắp tài sản, cướp của, giết người... chính là đã tuân thủ PL.

- ***Thi hành pháp luật***

Là một hình thức THPL, trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực.

Khác với tuân thủ pháp luật, trong hình thức thi hành pháp luật đòi hỏi chủ thể phải thực hiện nghĩa vụ pháp lý dưới dạng **hành động tích cực**, chẳng hạn như cá nhân thực hiện nghĩa vụ quân sự, ghi tên vào danh sách nhập ngũ, hoặc người kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế... chính là đã thi hành pháp luật.

- Sử dụng pháp luật

Là một hình thức THPL, trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện quyền chủ thể của mình (thực hiện những hành vi mà pháp luật cho phép).

Hình thức này khác với các hình thức trên ở chỗ chủ thể pháp luật có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền được pháp luật cho phép theo ý chí của mình chứ không bị bắt buộc phải thực hiện, chẳng hạn như công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo...

- Áp dụng pháp luật

Là một hình thức THPL, trong đó nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật, hoặc tự mình căn cứ vào những quy định của pháp luật để tạo ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ PL cụ thể.

2. Áp dụng pháp luật

2.1 Những trường hợp cần áp dụng pháp luật

- **Khi những QHPL với những quyền và nghĩa vụ cụ thể không mặc nhiên phát sinh nếu thiếu sự can thiệp của nhà nước.**
 - **Khi xảy ra tranh chấp về quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý giữa các bên tham gia vào QHPL mà các bên đó không tự giải quyết được.**
 - **Khi cần áp dụng các biện pháp chế tài được nhà nước quy định trong các QPPL nhằm bảo đảm cho PL được thực hiện nghiêm minh.**

- Trong một số quan hệ pháp luật mà nhà nước thấy cần thiết phải tham gia để kiểm tra, giám sát hoạt động của các bên tham gia quan hệ đó, hoặc nhà nước xác nhận tồn tại hay không tồn tại một số vụ việc, sự kiện thực tế.

- **Áp dụng pháp luật có các đặc điểm sau:**

Thứ nhất, áp dụng pháp luật mang tính tổ chức, quyền lực nhà nước.

Thứ hai, áp dụng pháp luật là hoạt động được thực hiện theo thủ tục do pháp luật quy định chặt chẽ.

Thứ ba, áp dụng pháp luật là hoạt động điều chỉnh cá biệt, cụ thể đối với các quan hệ xã hội.

Thứ tư, áp dụng pháp luật là hoạt động có tính sáng tạo.

◦ Từ sự phân tích trên cho thấy, ***áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính tổ chức, thể hiện quyền lực nhà nước, được thực hiện thông qua những cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách, hoặc các tổ chức xã hội khi được nhà nước trao quyền, nhằm cá biệt hoá những quy phạm pháp luật vào các trường hợp cụ thể đối với các cá nhân, tổ chức cụ thể.***

Hình thức thể hiện chính thức của hoạt động áp dụng pháp luật là **văn bản áp dụng pháp luật.**

*** Văn bản áp dụng pháp luật có một số đặc điểm sau:**

- - Văn bản áp dụng pháp luật do những cơ quan (nhà chức trách, tổ chức) có thẩm quyền ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng cưỡng chế nhà nước.
- Văn bản áp dụng pháp luật có tính chất cá biệt, chỉ áp dụng một lần đối với các cá nhân, tổ chức cụ thể trong những trường hợp xác định.
- Văn bản áp dụng pháp luật phải hợp pháp và phù hợp với thực tế.

- Văn bản áp dụng pháp luật được thể hiện trong những hình thức pháp lý xác định như: bản án, quyết định, lệnh...

- Văn bản áp dụng pháp luật là một yếu tố của sự kiện pháp lý phức tạp, thiếu nó, nhiều quy phạm pháp luật không thể thực hiện được.

Như vậy, văn bản áp dụng pháp luật là văn bản pháp lý cá biệt, mang tính quyền lực do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách hoặc các tổ chức xã hội được trao quyền ban hành trên cơ sở những quy phạm pháp luật, nhằm xác định những quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể của các cá nhân, tổ chức hoặc xác định những biện pháp chế tài đối với chủ thể tham gia quan hệ pháp luật.

3. Các giai đoạn của quá trình áp dụng pháp luật

Để áp dụng pháp luật chính xác, đạt hiệu quả cao cần phải tiến hành những bước sau:

- Phân tích, đánh giá đúng, chính xác những tình tiết, hoàn cảnh, điều kiện của vụ việc thực tế đã xảy ra.**
- Lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp và phân tích làm sáng tỏ nội dung, ý nghĩa của quy phạm pháp luật đối với trường hợp cần áp dụng.**
- Ra văn bản áp dụng pháp luật.**
- Tổ chức thực hiện quyết định áp dụng pháp luật**

4. Áp dụng tương tự pháp luật

Áp dụng pháp luật tương tự có 2 loại: tương tự quy phạm pháp luật và tương tự pháp luật.

- **Áp dụng tương tự quy phạm pháp luật** là giải quyết một vụ việc thực tế cụ thể nào đó chưa có quy phạm pháp luật trực tiếp điều chỉnh, vì thế người áp dụng pháp luật đã dựa trên cơ sở quy phạm pháp luật điều chỉnh một trường hợp khác có nội dung gần giống như vậy để giải quyết vụ việc xảy ra.

- **Áp dụng tương tự pháp luật** là giải quyết một vụ việc thực tế, cụ thể nào đó chưa có pháp luật điều chỉnh, và việc giải quyết vụ việc xảy ra dựa trên cơ sở những nguyên tắc chung và ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa.


Các điều kiện chung để áp dụng pháp luật tương tự bao gồm:

- - Vụ việc được xem xét phải có liên quan và có ảnh hưởng lớn tới quyền, lợi ích của Nhà nước, của xã hội hoặc của cá nhân đòi hỏi nhà nước phải xem xét, giải quyết.

- Phải chứng minh một cách chắc chắn rằng vụ việc cần xem xét, giải quyết đó đã không có quy phạm pháp luật nào trực tiếp điều chỉnh.

Ngoài điều kiện chung nói trên với mỗi loại áp dụng pháp luật tương tự lại có những điều kiện riêng:

- Đối với áp dụng tương tự quy phạm pháp luật phải xác định được quy phạm pháp luật điều chỉnh trường hợp khác có nội dung gần giống như vậy.



- Đối với áp dụng pháp luật tương tự cần phải xác định là không có quy phạm pháp luật điều chỉnh vụ việc tương tự với vụ việc giải quyết. Chỉ ra được nguyên tắc pháp luật hay quan điểm pháp lý nào đó được áp dụng để giải quyết trường hợp cụ thể đó

5. Giải thích pháp luật

* **Khái niệm và hình thức giải thích pháp luật**

◦ *Giải thích pháp luật là làm sáng tỏ về mặt tư tưởng, nội dung và ý nghĩa của các quy phạm pháp luật, đảm bảo cho sự nhận thức và thực hiện nghiêm chỉnh, thống nhất pháp luật.*

Phụ thuộc vào chủ thể tiến hành giải thích và đặc trưng của sự giải thích, có thể chia giải thích pháp luật ra làm 2 loại (hình thức): Giải thích chính thức và giải thích không chính thức.

Giải thích không chính thức: là sự giải thích tư tưởng, nội dung của quy phạm pháp luật nhưng không mang tính chất bắt buộc phải xử sự theo cách giải thích đó.

Loại giải thích này có thể được tiến hành bởi mọi cá nhân, tổ chức bất kỳ. Nội dung lời giải thích không chính thức không có ý nghĩa về mặt pháp lý, chỉ có tính chất giúp mọi người hiểu rõ hơn về các quy định của pháp luật.

Giải thích chính thức: là giải thích do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành và được ghi nhận trong các văn bản chính thức. Giải thích chính thức có tính đặc trưng, thể hiện ở chỗ:

- + Nó được tiến hành bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- + Là sự giải thích có hiệu lực bắt buộc; nó được ghi nhận trong văn bản giải thích pháp luật.

Giải thích chính thức gồm: giải thích mang tính quy phạm và giải thích cho những vụ việc cụ thể.

Giải thích chính thức mang tính quy phạm: là sự giải thích có tính bắt buộc chung, hình thành từ kết quả của sự khái quát hoá thực tế thực hiện và áp dụng pháp luật, từ đó xác định sự thực hiện, áp dụng thống nhất pháp luật.

Giải thích chính thức cụ thể: có hiệu lực đối với một vụ việc pháp lý cụ thể. Còn đối với vụ việc pháp lý khác nó không có giá trị.

Ở nước ta Ủy ban thường vụ quốc hội có quyền giải thích chính thức luật, pháp lệnh. Còn đối với văn bản pháp luật khác, về nguyên tắc, cơ quan nào có thẩm quyền ban hành thì có quyền chính thức giải thích văn bản đó.

* Các phương pháp giải thích pháp luật

Phương pháp lô gíc: là phương pháp sử dụng những suy đoán lô gíc để làm sáng tỏ nội dung quy phạm pháp luật, được sử dụng trong trường hợp lời văn của quy phạm không trực tiếp nói đến các yêu cầu của nhà nước.

Phương pháp giải thích văn phạm: là làm sáng tỏ nội dung, tư tưởng của quy phạm pháp luật bằng cách làm rõ nghĩa từng chữ, từng câu và xác định mối liên hệ ngữ pháp giữa chúng.

• Phương pháp này gồm: PP giải thích từ ngữ và PP giải thích cú pháp




- **Phương pháp giải thích từ ngữ.** Ý nghĩa của văn bản được giải thích theo ý nghĩa của từng từ riêng biệt.

- **Phương pháp giải thích cú pháp.** Bằng cách thông qua việc đặt dấu chấm, dấu phẩy... mỗi liên hệ giữa các từ trong câu được phân tích, tính toán kỹ lưỡng.

Phương pháp giải thích chính trị - lịch sử: là phương pháp tìm hiểu nội dung, tư tưởng QPPL thông qua việc nghiên cứu các điều kiện chính trị, lịch sử đã dẫn đến việc ban hành văn bản có chứa quy phạm đó.

Phương pháp giải thích hệ thống: là làm rõ nội dung, tư tưởng quy phạm pháp luật thông qua đối chiếu nó với các quy phạm khác; xác định vị trí quy phạm đó trong chế định pháp luật, ngành luật cũng như trong toàn bộ hệ thống pháp luật.



Giải thích theo cách phát triển mở rộng là giải thích nội dung văn bản quy phạm pháp luật rộng hơn so với nghĩa của từ ngữ trong văn bản sao cho đúng với nghĩa thực mà nhà làm luật muốn thể hiện trong quy phạm.

Giải thích hạn chế là cách giải thích nội dung văn bản pháp luật hẹp hơn so với nghĩa của từ ngữ trong văn bản sao cho đúng với nghĩa thực mà nhà làm luật muốn thể hiện trong quy phạm.